

XÂY DỰNG TÂM LÝ TÍCH CỰC CHO HỌC VIÊN TIẾNG VIỆT

Nguyễn Tuấn Nghĩa¹

Tóm tắt

Bài viết tổng hợp một số kinh nghiệm thực tế mà chúng tôi thu được trong quá trình giảng dạy tiếng Việt tại Khoa Việt Nam học, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM với mong muốn có thể góp thêm một số giải pháp tương đối hiệu quả trong việc tạo ra tâm lý học tập tích cực cho các học viên nước ngoài đang học tiếng Việt trong và ngoài nước.

Từ khoá: tâm lý học viên, kinh nghiệm dạy tiếng Việt

Một học viên người Mỹ phải thi chứng chỉ tiếng Việt theo qui định của công ty và luôn cảm thấy điều này rất áp lực. Giờ học tiếng Việt sau một ngày làm việc bận rộn và vất vả càng làm cô mệt mỏi và căng thẳng. Cô tiến bộ rất chậm, cảm thấy buồn ngủ và thường xuyên quên các nội dung mà mình đã học. Tình trạng này kéo dài khiến cô lo lắng, khủng hoảng và quyết định nói chuyện với thủ trưởng của mình. Cấp trên sau khi nghe cô trình bày đã rất thông cảm và quyết định cô sẽ tiếp tục học tiếng Việt nhưng không bắt buộc phải thi chứng chỉ. Điều này khiến cô thay đổi hoàn toàn. Giờ học tiếng không còn căng thẳng nữa, cô học một cách vui vẻ, thoải mái và tiến bộ hơn trước một cách rõ rệt.

Rõ ràng, trong cùng một điều kiện với cùng một đối tượng nhưng tâm trạng tích cực và tâm trạng tiêu cực có thể dẫn đến những kết quả hoàn toàn khác biệt. Trường hợp trên chỉ là một trong rất nhiều ví dụ để chứng minh tâm lý là một yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả học tập của mỗi cá nhân, và điều này không chỉ đúng trong quá trình học tập mà còn phổ biến trong hầu hết các hoạt động sống khác của con người. Vì vậy, để dạy và học tiếng Việt hiệu quả, giáo viên không chỉ cần chú ý đến tâm trạng của các học viên mà còn phải xây dựng và duy trì một tâm lý học tập tích cực, ổn định trong mỗi người học.

¹ Thạc sĩ, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM

Hiện nay, đa số giáo viên đều ý thức khá rõ về vấn đề trên nhưng việc giải quyết nó trên thực tế lại không hề dễ dàng. Do đó, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin trình bày một số kinh nghiệm trong việc tạo ra tâm lí học tập tích cực cho các học viên nước ngoài đang học tiếng Việt tại Khoa Việt Nam học, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM, đặc biệt là các đối tượng mới bắt đầu làm quen với tiếng Việt và đang ở trình độ vỡ lòng hay sơ cấp. Nội dung chính được chia thành hai phần “Ấn tượng tích cực ban đầu” và “Tâm lí tích cực thường xuyên”.

1. Ấn tượng tích cực ban đầu

Học một ngôn ngữ luôn là trải nghiệm mới mẻ và đầy thử thách với bất kì ai, càng đặc biệt hơn nếu đó lại là ngôn ngữ của một nền văn hóa hoàn toàn xa lạ. Vậy nên, đa số học viên luôn cảm thấy khó khăn khi lần đầu tiên làm quen với ngôn ngữ mới; tiếng Việt cũng không phải là ngoại lệ. Là một trong những giáo viên thường xuyên phụ trách các lớp tiếng Việt vỡ lòng, trong buổi học đầu tiên chúng tôi thường hỏi các học viên mới về cảm nhận của họ đối với tiếng Việt và câu trả lời thường xuyên là “Rất khó!”. Thực tế này cho thấy một rào cản tâm lí rõ ràng nơi các học viên vỡ lòng và điều này cần phải thay đổi càng sớm càng tốt nếu không muốn trở thành một định kiến lâu dài và gây khó khăn trong việc tạo ra tâm trạng thoải mái cho người học trong suốt quá trình học tập về sau. Do đó, giáo viên trong buổi đầu tiên không nên đi ngay vào bài học mà nên trò chuyện để từng bước gỡ bỏ thành kiến về một thứ tiếng Việt khó khăn trong suy nghĩ của học viên và thay vào đó bằng một ấn tượng về tiếng Việt như một ngôn ngữ giản dị, gần gũi và dễ học.

Xác định nguyên nhân chủ yếu gây ra cảm giác khó khăn nơi học viên là từ sự mơ hồ và thiếu thông tin của họ đối với tiếng Việt nên để thay đổi điều này, chúng tôi lần lượt trình bày một số thông tin hữu ích để người học có cái nhìn tổng quan về tiếng Việt và việc học tiếng Việt. Mục đích chính của việc làm này không gì khác hơn là từng bước xóa bỏ tâm lí e ngại khi học tiếng Việt cũng như thay đổi suy nghĩ của học viên về độ khó của tiếng Việt, từ đó thiết lập một nền tảng tâm lí tích cực chuẩn bị cho quá trình tiếp thu bài học một cách hiệu quả. Cụ thể, nội dung mà chúng tôi thường trao đổi với các học

viên bao gồm những thông tin thực tế về việc học tiếng Việt và ba thành tố chính của nó là phát âm, từ vựng và ngữ pháp.

1.1. Việc học tiếng Việt

Như đã nói, những người mới bắt đầu học, đa số chưa biết gì hoặc biết đôi chút về tiếng Việt, thường đều có cảm giác chung là tiếng Việt rất khó và nghĩ rằng việc học tiếng Việt sẽ khó khăn và mất rất nhiều thời gian. Để thay đổi suy nghĩ này, theo chúng tôi không gì tốt hơn là cung cấp những ví dụ sinh động từ thực tế.

Đầu tiên, chúng tôi khẳng định việc học tiếng Việt không khó, thậm chí là dễ. Một cách tự nhiên, đa số học viên bật cười đầy hoài nghi. Để chứng minh cho điều mình vừa nói, chúng tôi chỉ ra rằng trẻ em Việt Nam đều có thể nói tiếng Việt, và rõ ràng là điều mà một đứa trẻ có thể làm được thì những người lớn như các học viên đều có thể làm được tốt hơn. Một lần nữa, các học viên lại bật cười vì cách so sánh có vẻ giản đơn và có phần ngô nghê của chúng tôi.

Khi không khí lớp học đã trở nên cởi mở hơn sau những tiếng cười, chúng tôi tiếp tục với câu chuyện có thật của cô giáo lớn tuổi người Trung Quốc học tiếng Việt. Cô giáo này đã gần 50 tuổi và đến Việt Nam để giảng dạy tiếng Trung Quốc tại Trường ĐH KHXH&NV. Để cải thiện khả năng giao tiếp, cô quyết định học tiếng Anh nhưng sau nửa năm vất vả cô đã phải dừng lại vì không thể tiếp thu được. Sau đó cô chuyển sang học thử tiếng Việt và thật bất ngờ, chỉ sau ba tháng cô đã có thể giao tiếp một cách khá thoải mái và sau một năm cô đã có thể nói thông thạo.

Như vậy, trên thực tế việc học tiếng Việt không mất quá nhiều thời gian như đã tưởng. Rất nhiều học viên, đặc biệt là người Hàn Quốc chỉ sau khoảng 300 giờ học tại Khoa Việt Nam học Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM đã có thể sử dụng tiếng Việt để giao tiếp cơ bản, thậm chí còn đủ tự tin để thi chứng chỉ A và đăng kí thi đại học Việt Nam học. Một số học viên người Pháp của chúng tôi còn chia sẻ rằng tiếng Việt thực sự dễ vì chỉ sau ba tháng họ đã có thể sử dụng được tiếng Việt trong khi đối với người mới học tiếng Pháp thì đó lại là điều không tưởng.

Ngoài ra, mặc dù chưa thử nghiệm nhưng chúng tôi tin rằng nếu có thể mời một học viên giỏi tiếng Việt đến để nói chuyện và chia sẻ trong giờ học đầu tiên thì hiệu quả sẽ càng cao hơn và ấn tượng tích cực sẽ càng sâu sắc hơn đối với các học viên lớp vỡ lòng.

1.2. Phát âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt

Để chứng tỏ tiếng Việt không quá khó như những gì mà học viên đã nghĩ, tiếp theo chúng tôi lần lượt nói về ba thành phần quan trọng của một ngôn ngữ là: phát âm, từ vựng và ngữ pháp. Do đa số các học viên đến từ nhiều quốc gia khác nhau và đều biết tiếng Anh nên chúng tôi tiến hành so sánh tiếng Việt với tiếng Anh để học viên cảm nhận tiếng Việt có nhiều điểm đơn giản hơn tiếng Anh và một khi đã học được tiếng Anh thì họ cũng có thể học được tiếng Việt một cách dễ dàng.

1.2.1. Phát âm tiếng Việt

Đại đa số học viên tin rằng phát âm của tiếng Việt rất phức tạp và khó khăn, đặc biệt là các thanh điệu. Nhưng khi so sánh tiếng Việt - một ngôn ngữ đơn âm tiết có thanh điệu với tiếng Anh - một ngôn ngữ đa âm tiết có trọng âm và ngữ điệu thì có thể nói tiếng Việt đơn giản hơn tiếng Anh.

Thứ nhất, cách phát âm trong tiếng Việt tương đối nhất quán. Là ngôn ngữ kí âm đơn âm tiết, gần như mỗi chữ trong tiếng Việt chỉ có một cách phát âm duy nhất và không có các trường hợp ngoại lệ bất thường. Trong khi đó, tiếng Anh (ngôn ngữ kí âm) có nhiều trường hợp ngoại lệ như: **island**, **honest**, **hour**, v.v. còn tiếng Trung (ngôn ngữ gốc tượng hình) thì cùng một chữ lại có nhiều cách đọc khác nhau như chữ 的 có ba cách đọc là [de], [dí] và [dì] với hàm nghĩa khác nhau.

Thứ hai, thanh điệu của tiếng Việt có quy tắc phát âm rõ ràng. Chúng tôi thường vẽ biểu đồ sáu thanh và hướng dẫn từng học viên thực tập phát âm ngay ngày đầu tiên, đồng thời đề nghị học viên tưởng tượng việc nói tiếng Việt cũng giống như hát một bài hát nhưng thay vì phải nhớ bảy nốt nhạc thì ở đây chỉ có sáu. Đa số học viên đều phát âm ba thanh ngang - huyền - sắc khá dễ, chỉ có ba thanh hỏi - ngã - nặng là khó hơn nhưng sau khi luyện tập thì cũng có thể phát âm đúng.



Hình 1: Biểu đồ sáu thanh trong tiếng Việt [Nguyễn Văn Huệ, 2008: 44]

Trong khi đó, mặc dù không có hệ thống thanh điệu như tiếng Việt nhưng tiếng Anh lại có vấn đề về trọng âm và ngữ điệu trong phát âm rất phức tạp và không rõ ràng. Cùng một từ nhưng có thể có nhiều vị trí trọng âm khác nhau và không có kí hiệu nào chỉ dẫn như các dấu trong tiếng Việt nên người đọc phải căn cứ vào câu văn và ngữ cảnh để tự xác định cách đọc chính xác. Ví dụ như từ “record” có hai vị trí trọng âm với ý nghĩa khác nhau, một là danh từ [ˈrekɔ:d] và một là động từ [rɪˈkɔ:d]; một ví dụ khác cũng rất quen thuộc là từ “the” với hai cách đọc khác nhau là [ði] và [ðə] phụ thuộc vào âm đọc của từ đứng ngay sau nó.

Ngoài ra, chúng tôi còn lưu ý so sánh cách phát âm các chữ cái tiếng Việt và tiếng Anh để cho thấy sự tương đồng nhất định giữa hai hệ thống, đặc biệt là các phụ âm, vì dù sao thì tiếng Việt hiện đại vẫn đang sử dụng kiểu chữ la-tinh để ghi âm rất gần gũi với các ngôn ngữ phương Tây, do đó khá thuận lợi cho những người đã biết tiếng Anh nói chung cũng như các học viên phương Tây nói riêng trong việc ghi nhớ cách phát âm các chữ cái.

1.2.2. Từ vựng tiếng Việt

Ở trình độ vỡ lòng, ngoại trừ một số cá nhân có thể biết vài câu chào hỏi thông thường từ trước, còn lại thì đại đa số các học viên đều chưa có khái niệm gì về từ vựng trong tiếng Việt. Đây cũng là một điều kiện tốt để người dạy có thể định hình một cái nhìn đúng đắn và tích cực về mảng từ vựng của tiếng Việt, vốn rất giàu đẹp và không kém phần thú vị.

Đầu tiên, chúng ta cần khẳng định các từ đơn trong tiếng Việt thường ngắn, rất khác từ vựng tiếng Anh đa âm tiết có thể rất dài

dòng. Từ đơn dài nhất trong tiếng Việt là từ “nghiêng”, cũng chỉ gồm có bảy chữ cái; trong khi đó, tiếng Anh lại có những từ cực kì dài dòng đến mức khó tin, đơn cử như từ “pneumonoultramicroscopicsilicovolcanoconiosis” là cách gọi một căn bệnh phổi, có đến 45 chữ cái ! Do đó mà ở các nước nói tiếng Anh thường niên đều tổ chức những cuộc thi đánh vần “Spelling Bee” rất quy mô dành cho mọi lứa tuổi còn ở Việt Nam thì chưa bao giờ có vì nếu tổ chức thi thì ai cũng có thể là nhà vô địch.

Thứ đến, cấu tạo từ tiếng Việt thường đơn giản, gần gũi, sinh động, dễ hiểu. Ví dụ như “máy lạnh”, “tủ lạnh”, “hôm qua”, “ngày mai”, v.v. đều dễ hiểu dễ nhớ, rất khác với các từ vựng khá phức tạp kiểu như “air-conditioner”, “refrigerator”, “yesterday”, “tomorrow”, v.v. trong tiếng Anh. Hơn nữa, gần như mỗi chữ trong tiếng Việt đều có ý nghĩa nào đó, do đó khi học một từ phức, người học còn có thể biết thêm ý nghĩa của các từ đơn cấu tạo nên nó; và ngược lại, nhờ vào việc hiểu nghĩa của các từ đơn, người học không những đoán được ý nghĩa của các từ mới mà còn có thể tự mình tạo ra từ mới có ý nghĩa.

Ngoài ra, các học viên người Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản còn có lợi thế rất lớn trong việc ghi nhớ từ vựng tiếng Việt nhờ vào nhóm từ vựng Hán Việt. Chiếm khoảng 60-80% từ vựng tiếng Việt [Trần Đình Sử, 1999], các từ gốc Hán trong tiếng Việt có âm đọc và ý nghĩa khá tương đồng với các từ nguyên gốc trong tiếng Trung cũng như các từ vựng gốc Hán có ý nghĩa tương tự trong tiếng Hàn và tiếng Nhật. Để minh họa cho sự gần gũi này, chúng tôi thường sử dụng một số từ vựng thông dụng có cách đọc gần giống nhau trong các ngôn ngữ nêu trên, cụ thể:

Tiếng Việt	Tiếng Trung	Tiếng Hàn	Tiếng Nhật
trà đạo	茶道 [chádào]	[chado]	[chadō]
đồng ý	同意 [tóngyì]	[dongui]	[dōi]
cảm tạ	感謝 [gǎnxiè]	[gamsa]	[kansha]
xã hội	社會 [shèhuì]	[sahoe]	[shakai]
dã man	野蠻 [yěmán]	[yaman]	[yaman]

Bảng 1: Ví dụ về từ vựng gốc Hán có cách đọc gần giống nhau

1.2.3. Ngữ pháp tiếng Việt

Tương tự như từ vựng, ở giai đoạn làm quen với tiếng Việt, tuyệt đại đa số học viên đều không biết gì về ngữ pháp, kể cả các cá nhân đã biết giao tiếp chút ít. Do đó, giáo viên cần định hướng để học viên có cảm nhận tích cực đối với ngữ pháp tiếng Việt, vốn linh hoạt và giàu tính biểu cảm.

Mặc dù có nhiều điểm khác biệt nhưng xét về loại hình trật tự từ thì tiếng Anh và tiếng Việt có cùng loại hình S-V-O đối với thành phần câu, đồng thời cũng rất tương đồng với trật tự trong tiếng Trung Quốc. Do đó, những người đã biết tiếng Anh hoặc tiếng Trung sẽ cảm thấy tiếng Việt không quá xa lạ hoặc khó hiểu, tạo tâm lý thuận lợi cho việc tiếp thu ngôn ngữ mới. Bên dưới là một số ví dụ mà chúng tôi thường dùng để minh họa cho sự giống nhau trong ba ngôn ngữ vừa nêu.

Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tiếng Trung
Lâu quá không gặp!	Long time no see!	好久不见！
Hôm nay cô ấy đi Mỹ.	Today she goes to the US.	今天她去美国。
Tôi không biết tiếng Việt.	I don't know Vietnamese.	我不会越语。
Anh yêu em!	I love you!	我爱你！
Ai đang nói?	Who is speaking?	谁在说？

Bảng 2: Ví dụ về một số câu có trật tự giống nhau

Ngữ pháp tiếng Việt đúng là có những điểm rất khó và phức tạp, đến nỗi có người còn ví von “phong ba bão táp không bằng ngữ pháp Việt Nam”, nhưng nhìn chung, ngữ pháp tiếng Việt vẫn đơn giản hơn so với tiếng Anh trên một số phương diện. Điều này có thể dễ dàng được chứng minh qua nhiều ví dụ thường gặp như:

- Số ít, số nhiều và động từ đi cùng:

+ Tiếng Việt không đổi: *Họ đi Hà Nội. Cô ấy đi Huế.*

+ Tiếng Anh phải thay đổi: *They go to Hanoi. She goes to Hue.*

- Thì và động từ trong câu:

+ Tiếng Việt chỉ thêm phó từ: *Tôi đang ăn. Nó đã ăn hôm qua.*

+ Tiếng Anh vừa thêm vừa đổi: *I am eating. He ate yesterday.*

- Câu hỏi và câu trả lời:

+ Tiếng Việt không đổi trật tự: - *Cô mua gì ? - Tôi mua sách.*

+ Tiếng Anh vừa thêm vừa đổi: - *What do you buy ? - I buy a book.*

Sự khác biệt này theo ý kiến của tác giả Đinh Điền là do “tiếng Việt chịu ảnh hưởng của văn hoá phương Đông - nền văn hoá thiên về âm tính, nên trong ngôn ngữ, ngữ pháp của nó có tính linh động cao, chứ không chặt chẽ (phải chia thì, thể, giống) như ngữ pháp phương Tây” [Đinh Điền]. Đây cũng là một căn cứ tốt để thuyết phục các học viên rằng tiếng Việt dễ học hơn tiếng Anh, và đi đến kết luận là người đã học được tiếng Anh thì hoàn toàn có khả năng học tiếng Việt rất tốt

2. Tâm lí tích cực thường xuyên

Sau khi tạo ra ấn tượng tích cực ban đầu cho học viên trong buổi học đầu tiên, chúng ta cần tiếp tục phát huy hiệu quả của ấn tượng này bằng cách tái khẳng định và chứng minh những gì mà chúng ta đã nói thông qua những bài học thực tế cụ thể. Nhưng không chỉ như vậy, người dạy còn phải duy trì tâm lí học tập tích cực thường xuyên nơi các học viên bằng nhiều cách, trong đó theo chúng tôi có ba yếu tố then chốt có thể giúp học viên học tập hiệu quả và thành công nhanh chóng hơn, đó là: thoải mái, hứng thú và kiên trì.

2.1. Thoải mái

Học tập và thi cử luôn tạo ra cảm giác căng thẳng mệt mỏi, gây bất lợi cho quá trình tiếp thu kiến thức của người học. Vì vậy, để người học có thể học tập hiệu quả, người dạy nên tạo ra không khí học tập thoải mái, ít áp lực nhất có thể. Yếu tố này càng quan trọng hơn trong việc dạy và học ngôn ngữ để giao tiếp, nhất là với một ngôn ngữ linh hoạt như tiếng Việt, vốn được hình thành và sử dụng trong môi trường cuộc sống rất thoải mái và tự nhiên, vì vậy nếu

người học cảm thấy nặng nề và gò bó trong khi học thì việc sử dụng ngôn ngữ trên thực tế sẽ rất khó khăn vì căng thẳng và thiếu tự tin.

Với vị trí và vai trò quan trọng trong lớp học, giáo viên có thể tạo ra bầu không khí thoải mái qua từng hành động, cử chỉ và lời nói của mình. Vì vậy, chúng tôi thường thể hiện điều này ngay khi bước vào lớp thông qua lời chào sôi nổi, gương mặt vui vẻ và nụ cười thân thiện. Để bắt đầu giờ học, thay vì đi ngay vào bài mới, chúng tôi thường dành vài phút để trò chuyện với học viên, một mặt có thể giúp học viên thực hành bài học cũ, mặt khác có thể tạo ra không khí gần gũi giữa người dạy và người học. Sau đó, trong quá trình giảng dạy, chúng tôi chú ý thường xuyên sử dụng những từ ngữ có tính chất động viên, tích cực và khen ngợi, hạn chế tối đa việc chê trách hay so sánh trình độ giữa các học viên. Tuy nhiên, trong một số trường hợp chúng tôi vẫn phải nhắc nhở và luôn ý thức rằng việc khen ngợi và nhắc nhở cần khách quan và thích đáng nhằm tránh những hệ lụy không đáng có như tác giả Đoàn Huy Oánh đã cảnh báo [Đoàn Huy Oánh, 2005: 287].

Một trong những trở ngại rất lớn trong việc học ngoại ngữ là tâm lí “sợ sai”. Ở đây chúng tôi nhận thấy có sự khác biệt rất rõ giữa nhóm học viên phương Tây và học viên Á Đông. Nếu như các học viên phương Tây thường chủ động trong việc trả lời câu hỏi, nêu thắc mắc, quan điểm thì nhóm các học viên phương Đông thường tỏ ra e dè, ngại ngùng và im lặng, thụ động khi phải tương tác với giáo viên. Để thay đổi tâm lí này, chúng tôi thường yêu cầu tất cả học viên tham gia thực hành các kĩ năng và lên bảng làm bài tập, đồng thời khuyến khích học viên thoải mái, tự tin đọc to, nói rõ và viết ra những gì họ nghĩ hoặc nghe được. Khi học viên làm chưa đúng, chúng tôi luôn tỏ ra vui vẻ và khẳng định rằng nhờ làm sai mà học viên mới có thể sửa và ghi nhớ để lần sau làm cho đúng, và đó cũng chính là mục đích của việc học. Thậm chí, chúng tôi còn đùa rằng khi thấy các học viên làm sai chúng tôi cảm thấy rất vui vì điều đó có nghĩa là chúng tôi còn việc để làm, còn nếu học viên làm đúng hết cả thì chúng tôi sẽ thất nghiệp vì chẳng có gì để dạy nữa.

2.2. Hứng thú

Thoải mái là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu tiếng Việt một cách tự nhiên, nhưng nếu chỉ như vậy thì chưa đủ, bởi lẽ trong trạng thái thoải mái, rất có thể người học sẽ không nỗ lực, thiếu tập trung và dẫn đến hậu quả là tiến độ học tập bị chậm lại, thậm chí là kém hiệu quả. Thế nhưng, thay vì sử dụng các phương pháp “khô học” đầy áp lực, người dạy nên khéo léo tạo ra cảm giác hứng thú nơi người học thông qua các hoạt động dạy và học sinh động, sáng tạo, đa dạng và sôi nổi.

Một hoạt động rất được các học viên yêu thích là các trò chơi với tiếng Việt. Thích chơi hơn học là tâm lí thường thấy ở con người bất kể tuổi tác, và thực tế cho thấy đa số học viên đều cảm thấy rất hứng thú khi tham gia các game trong lớp học. Thực chất, đây vốn là các bài tập tiếng Việt đã được sáng tạo lại dưới hình thức một cuộc thi hay một trò chơi để kích thích việc ôn tập và tiếp thu bài học một cách dễ dàng hơn, do đó cách thức chơi không cần và cũng rất không nên quá phức tạp. Vấn đề này đã được nhiều giáo viên chú ý áp dụng hiệu quả và chia sẻ trong một số hội thảo khoa học về giảng dạy tiếng Việt gần đây [Chu Thị Quỳnh Giao, 2005: 154].



Hình 2: Một số trò chơi trong lớp học

Một hoạt động khác cũng hiệu quả không kém trong việc tạo ra không khí học tập sôi nổi và hào hứng cho các học viên là giao lưu trực tiếp với người Việt Nam, đặc biệt là các sinh viên người Việt. Với kinh nghiệm tổ chức nhiều hoạt động giao lưu khá thường xuyên, chúng tôi nhận thấy kết quả mà các buổi giao lưu đem lại là rất tích cực, góp phần không nhỏ trong việc giúp học viên thực hành bài học,

nâng cao sự tự tin trong giao tiếp dù mới ở giai đoạn vỡ lòng. Các sinh viên Việt Nam đa số đều rất nhiệt tình và việc kết bạn, trò chuyện, giao lưu diễn ra rất tự nhiên và nhanh chóng, thậm chí còn thành công đến mức sau khi giờ học kết thúc, các sinh viên Việt Nam và các học viên tiếng Việt vẫn tiếp tục ở lại để giao lưu mà không chịu đi về. Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng và hiệu quả của hoạt động này, giáo viên cần có sự chuẩn bị chu đáo, đặc biệt trong việc hướng dẫn cho nhóm sinh viên Việt Nam các nội dung cũng như các kỹ năng giao lưu phù hợp với mục đích và yêu cầu của môn học cũng như trình độ cụ thể của các học viên.



Hình 3: Một số hoạt động giao lưu với sinh viên Việt Nam

Ngoài ra, giáo viên còn có thể thu hút sự chú ý và tạo ra sự hứng thú cho học viên bằng cách sử dụng hiệu quả các phương tiện trực quan sinh động như hình ảnh, âm thanh, video clip, v.v., trong đó yếu tố hài hước, ngộ nghĩnh, gây cười cũng nên được chú ý để lồng ghép một cách hợp lý. Tuy nhiên, giáo viên cần lưu ý là khả năng tập trung của con người chỉ kéo dài khoảng 20 phút, do đó cần phải thay đổi các nội dung hoạt động một cách linh hoạt, đồng thời thường xuyên nắm bắt cảm xúc của học viên để lựa chọn ra những hoạt động và nội dung được yêu thích nhất.

2.3. Kiên trì

Học ngôn ngữ là một việc đòi hỏi rất nhiều thời gian, do đó giúp học viên vượt qua tâm lý chán nản để kiên trì trong việc học là một trong những công việc quan trọng và khó khăn nhất mà người giáo viên phải thực hiện. Sở dĩ nói đây là một trong những công việc khó

khăn nhất là bởi lẽ để giúp học viên kiên nhẫn thì trước hết bản thân người dạy cũng phải rất kiên trì và nhẫn nại.

“Practice makes perfect”. Rõ ràng, thành thạo một ngôn ngữ là kết quả của việc lặp đi lặp lại ngôn ngữ ấy rất nhiều lần đến mức trở thành một phản xạ tự nhiên. Thực tế, trẻ em mất không ít thời gian để có thể sử dụng lưu loát ngôn ngữ mẹ đẻ, và một người bản ngữ thậm chí cũng có thể quên mất tiếng nói gốc của mình nếu không sử dụng nó trong thời gian dài. Người dạy cần nhắc nhở học viên về thực tế ấy và khích lệ học viên thường xuyên ôn tập, thực hành những gì mà họ đã học, đặc biệt chú ý tận dụng thế mạnh của môi trường tiếng Việt mà họ đang sống hàng ngày.

Nhưng không chỉ cô vũ chung chung, giáo viên còn phải quan tâm đến từng học viên để có sự hỗ trợ kịp thời, phù hợp. Giáo viên nên sớm nhận diện các cá nhân có sức học kém và bố trí họ ngồi gần các học viên khá giỏi và nhiệt tình, thân thiện để có thể có sự giúp đỡ hiệu quả [Đoàn Huy Oánh, 2005: 291]. Ngoài ra, trong thực tiễn giảng dạy chúng tôi còn gặp một số trường hợp học viên hoàn toàn không biết tiếng Anh hoặc có trình độ tiếng Anh chưa cao, rất khó khăn trong việc tiếp thu bài giảng thông qua ngôn ngữ này, và để xử trí tình huống này, ngoài một số phương pháp trực quan dễ hiểu, chúng tôi còn chủ động bố trí các học viên này ngồi cạnh các bạn học có cùng quốc tịch nhưng giỏi tiếng Anh và vui vẻ để hỗ trợ.

Cuối cùng, người dạy cần giúp cho học viên nhận ra sự tiến bộ của bản thân. Điều này là vô cùng quan trọng bởi lẽ học viên sẽ cảm thấy phấn khích và kiên trì, nỗ lực hơn khi nhận thấy thành quả mà mình đã đạt được. Ở đây, giáo viên cần tinh tế để cho thấy ra sự tiến bộ của từng học viên, dù đó chỉ là những bước tiến nhỏ nhất trong phát âm hay nét viết của người học. Từ đây, giáo viên khuyến khích người học tiếp tục tự rèn luyện nhiều hơn nữa để có thể đạt được tiến bộ mới, đồng thời lưu ý ôn tập không cần mất quá nhiều thời gian nhưng cần thực hiện hàng ngày.

Kết luận

Như vậy, để dạy và học tiếng Việt hiệu quả, giáo viên không chỉ cần chú ý đến tâm trạng của các học viên mà còn phải chủ động xây

dựng và duy trì một tâm lí học tập tích cực, ổn định trong mỗi người học một cách thường xuyên và càng sớm càng tốt. Bài viết này tổng hợp một số kinh nghiệm thực tế mà chúng tôi thu được trong quá trình giảng dạy tiếng Việt tại Khoa Việt Nam học, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM với mong muốn có thể góp thêm một số giải pháp tương đối hiệu quả trong việc tạo ra tâm lí học tập tích cực cho các học viên nước ngoài đang học tiếng Việt trong và ngoài nước. Rõ ràng, còn rất nhiều phương pháp khác để thực hiện tốt điều này, do đó chúng tôi hi vọng sẽ có thêm nhiều cơ hội để tiếp tục trao đổi sâu hơn nữa về vấn đề này, góp phần vào việc nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Việt trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa ngày càng mạnh mẽ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Điền (2015). *So sánh trật tự từ của định ngữ giữa tiếng Anh và tiếng Việt (Phần 1)*, TT Phổ biến và Giảng dạy Ngôn ngữ - Viện Ngôn ngữ học, 6/2015, <http://www.tgn.edu.vn/bai-viet/c63/i240/so-sanh-trat-tu-tu-cua-dinh-ngu-giua-tieng-anh-va-tieng-viet-phan-1-.html>
2. Chu Thị Quỳnh Giao (2005). “Áp dụng trò chơi ngôn ngữ trong việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Một số vấn đề về nội dung và phương pháp giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ*, NXB ĐHQG Hà Nội, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Huệ (chủ biên) (2008). *Giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài 1*, NXB ĐHQG TP HCM.
4. Đoàn Huy Oánh (2005). *Tâm lý sư phạm*. NXB ĐHQG TP HCM.
5. Nguyễn Thị Minh Phương, Phạm Thị Thúy (2014). *Cẩm nang phương pháp sư phạm*, NXB Tổng hợp TP HCM.
6. Trần Đình Sử (1999). “Từ Hán Việt gốc Nhật trong tiếng Việt”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (39), 6/2015, <http://www.hannom.org.vn/web/tchn/data/9902.htm>

(Bài đã đăng trong *Kỷ yếu Hội thảo liên Khoa Giảng dạy, nghiên cứu Việt Nam học và tiếng Việt: những vấn đề lý luận và thực tiễn*, 309-321, NXB ĐHQG-HCM, 2016)